

Số: 35/2020/QĐST-VHNGĐ

Sầm Sơn, ngày 22 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 361, Điều 397 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

Căn cứ luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 34/2020/TLST-VHNGĐ, ngày 24/11/2020 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Nguyễn Trọng P – SN 1956. Địa chỉ: CT4 MĐ 2, quận N, thành phố Hà Nội.

2. Bà Lê Thị L – SN 1955. Địa chỉ: Khu phố H, phường P, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trọng P và bà Lê Thị L kết hôn với nhau vào tháng 10 năm 1984 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Phú, huyện Quảng Xương (nay là thành phố Thanh Hóa). Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng vui vẻ hạnh phúc bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông, bà không hợp tính nhau, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2008 đến nay. Vì vậy, ông P, bà L thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy, tình cảm vợ chồng của ông bà không đáp ứng được với quy định tại khoản 3 Điều 2 về nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân gia đình và Điều 19 về tình nghĩa vợ chồng của luật Hôn nhân gia đình năm 2014; việc thuận tình ly hôn của ông bà là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, công nhận thuận tình ly hôn của ông bà là phù hợp với quy định tại Điều 55 luật Hôn nhân gia đình 2014.

[2]. Về con chung: Ông Nguyễn Trọng P và bà Lê Thị L, có 01 con chung là chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 08/10/1988. Chị H đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Ông Nguyễn Trọng P và bà Lê Thị L thuộc trường hợp được miễn nộp tiền lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 20/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án. Nên bà L được trả lại số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0004039, ngày 24/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trọng P và bà Lê Thị L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông, bà có 01 con chung là chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 08/10/1988. Chị H đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Ông, bà thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Miễn tiền lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn cho ông Nguyễn Trọng P và bà Lê Thị L. Trả lại số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) cho bà L mà bà đã nộp theo biên lai số AA/2019/0004039, ngày 24/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Sầm Sơn;
- Chi cục THADS TP. Sầm Sơn;
- UBND xã Q;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng